

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /KCN-ĐT

Hải Dương, ngày 01 tháng 01 năm 2021

V/v triển khai thi hành Luật Đầu tư

Kính gửi:

- Các công ty đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN;
- Các doanh nghiệp có dự án đầu tư trong KCN.

Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được Quốc hội khoá XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021. Hiện nay, dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020 đang được hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành.

Để đảm bảo thực hiện Luật Đầu tư (kể từ ngày 01/01/2021), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 8909/BKHĐT-PC đề ngày 31/12/2020 về việc triển khai thi hành Luật Đầu tư; trong đó có nội dung hướng dẫn về trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, cụ thể như sau:

1. Về hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư

1.1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư năm 2020.

b) Cơ quan đăng ký đầu tư tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Đầu tư năm 2020.

1.2. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư được quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020.

1.3. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại các Điều 34, 35 và 36 Luật Đầu tư năm 2020.

2. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

2.1. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư năm 2020.

2.2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2.3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Đầu tư năm 2020.

2.4. Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư tiếp tục thực hiện thủ tục đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (trước đây là Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài) đã được thiết lập và vận hành trong thời gian qua.

3. Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp:

3.1. Nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư năm 2020.

3.2. Thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được thực hiện như sau:

3.2.1. Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp cho cơ quan đăng ký đầu tư nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở chính.

Trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư, căn cứ văn bản chấp thuận của Cơ quan đăng ký đầu tư, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

3.2.2. Hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm:

a) Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có);

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;

c) Văn bản thỏa thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp;

d) Văn bản kê khai (kèm theo bản sao) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế nhận vốn góp, cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước

ngoài (đối với trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư năm 2020). Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của việc kê khai.

4. Ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài:

4.1. Ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được quy định tại Điều 9 Luật Đầu tư năm 2020.

4.2. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài được xem xét theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành (gồm luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ) và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Để đảm bảo triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật trong khi chờ Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020; Thông tư hướng dẫn biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư & báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam và Bộ thủ tục hành chính có liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN thông báo để các doanh nghiệp được biết. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị doanh nghiệp liên hệ về Ban Quản lý các KCN (qua Phòng Quản lý đầu tư, điện thoại: 0220.3844723) để được hướng dẫn./.

(Gửi kèm biểu mẫu một số văn bản thực hiện thủ tục đầu tư theo hướng dẫn tại Văn bản số 8909/BKHĐT-PC của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Văn phòng Ban (để p/h);
- Website Ban;
- Lưu: VT, ĐT (Đông),



Nguyễn Thị Thuý Hằng

